

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II_MÔN: TIN HỌC LỚP 9

T T	CHỦ ĐỀ	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng% điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	3. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao	2	1	2	1		2	70% (7 điểm)
2	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Giải bài toán bằng máy tính	4		2				30% (3 điểm)
Tổng			6	1	4	1		2	100% 10 điểm
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		
Tỉ lệ chung			70%				30%		

ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: TIN HỌC LỚP 9 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	3. Chủ đề con (lựa chọn): Sử dụng bảng tính điện tử nâng cao	Vận dụng cao – Thực hiện được dự án sử dụng bảng tính điện tử góp phần giải quyết một bài toán liên quan đến quản lý tài chính, dân số,... Ví dụ: quản lý chi tiêu của gia đình, quản lý thu chi quỹ lớp.	2TN 1TL	2TN 1TL	2(TL)
2	Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Giải bài toán bằng máy tính	Nhận biết – Thông qua các ví dụ về lập trình trực quan, nêu được quy trình con người giao bài toán cho máy tính giải quyết. Thông hiểu – Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán (hoặc bằng phương	4 TN	2TN	

		pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối). – Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa. – Giải thích được khái niệm bài toán trong tin học là một nhiệm vụ có thể giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa. – Giải thích được chương trình là bản mô tả thuật toán bằng ngôn ngữ mà máy tính có thể “hiểu” và thực hiện. Vận dụng Sử dụng được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh, lặp trong mô tả thuật toán.			
Tổng			6TN 1TL	4TN 1TL	1TL
Tỉ lệ %			40%	30%	30%
Tỉ lệ chung			70%		30%

Họ và tên: Lớp:	<u>Đánh giá và nhận xét của GVBM:</u>
--------------------------------	--

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn 01 đáp án em chọn là đúng nhất ở mỗi câu).

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng?

Câu 1: Giải quyết vấn đề là quá trình thực hiện qua mấy bước?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 2: Quy trình giải một bài toán tin học bao gồm mấy bước?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 3. Bài toán tin học được xem như một vấn đề cần giải quyết. Khi đó, bước nào trong quy trình giải bài toán tin học tương ứng với bước thực hiện giải pháp trong giải quyết vấn đề?

- A. Xác định bài toán B. Xây dựng thuật toán
C. Gỡ lỗi và hiệu chỉnh chương trình D. Cài đặt thuật toán

Câu 4. Những cấu trúc nào đã được sử dụng để mô tả thuật toán bám tường theo phương pháp liệt kê các bước?

- A. Cấu trúc lặp với số lần biết trước và cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
B. Cấu trúc lặp có điều kiện và cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
C. Cấu trúc lặp có điều kiện và cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
D. Cấu trúc lặp liên tục và cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.

Câu 5. Trong quy trình thanh toán tiền lương, bước nào thường được giao cho máy tính thực hiện?

- A. Lập phiếu chi lương. B. Xây dựng công thức tính lương.
C. Chấm công. D. Tính toán tiền lương.

Câu 6. Bước nào trong quá trình giải quyết vấn đề nhằm xác định yếu tố đã cho và kết quả cần đạt?

- A. Lựa chọn giải pháp B. Thực hiện giải pháp
C. Phân tích vấn đề D. Đánh giá kết quả

Câu 7. Trong công thức chung của COUNTIF, tham số **criteria** có ý nghĩa gì?

- A. Phạm vi chứa các ô tính cần kiểm tra để đếm.
B. Điều kiện kiểm tra các ô tính trong phạm vi range
C. Phạm vi chứa các giá trị không hợp lệ.
D. Điều kiện xác thực dữ liệu để tạo bảng tính.

Câu 8. Hàm nào trong Excel dùng để đếm số ô tính trong vùng dữ liệu thỏa mãn điều kiện?

- A. COUNT. B. SUMIF. C. COUNTIF. D. INDEX.

Câu 9. Công thức tính tổng các giá trị nhỏ hơn 100 trong vùng B2:B6 là như thế nào?

- A. =SUM(B2:B6,"<100"). B. =SUMIF(B2:B6,"<100").
C. =SUMIF(B2:B6,">100"). D. =SUMIF(B2:B6,<100).

Câu 10. Đây là công thức phù hợp để nhận xét về mục chi **Tiết kiệm** dựa trên quy tắc quản lý tài chính?

- A. IF(O5>20%,"Nhiều hơn","Ít hơn"). B. IF(P5>20%,"Nhiều","Ít hơn").
C. IF(P4>30%,"Nhiều hơn","Ít hơn"). D. IF(P3>50%,"Nhiều hơn","Ít hơn").

B. PHẦN THỰC HÀNH (5 điểm)

Cho bảng tính và thực hiện các yêu cầu sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	THU/CHI HÀNG THÁNG CỦA GIA ĐÌNH								
2									
3	STT	Ngày	Khoản thu	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)	Khoản chi	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)	Số tiền còn lại
4	1	13/8/2023	Lương	Lương tháng 8	10,000				?
5	2	14/8/2023	Làm thêm	Làm thêm tháng 8	2,000	Ở	Tiền điện tháng 8	800	?
6	3	14/8/2023				Sức khỏe	Mua thuốc	620	?
7	4	15/8/2023	Làm thêm	Bán hàng online	5,500	Học tập	Học phí tháng 8	2,200	?
8	5	18/8/2023	Được cho/tặng	Người thân tặng	500	Ở	Tiền nước tháng 8	300	?

	J	K	L	M	N
1					
2					
3					
4	Khoản thu	Số lần thu	Khoản chi	Số lần chi	Tổng tiền (nghìn đồng)
5	Lương	?	Ở	?	?
6	Làm thêm	?	Sức khỏe	?	?
7	Được cho/tặng	?	Học tập	?	?

Câu 11: (1 điểm) Nhập bảng tính trên vào chương trình bảng tính, lưu file theo cú pháp BAI_THUC_HANH_CHKII_TEN HS.EXEL

Câu 12: (2 điểm) Tính số tiền còn lại sau đó sử dụng công cụ xác thực khoản thu, khoản chi trong gia đình?

Câu 13: (1 điểm) Tính số lần thu, số lần chi của các khoản thu, chi trong gia đình.?

Câu 14: (1 điểm) Tính tổng tiền của các khoản thu, chi trong gia đình.?

=====Hết.=====

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN: TIN HỌC- LỚP 9

Mã đề: A

A. TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	B	B	B	D	C	7	C	B	B

B. THỰC HÀNH (5 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 12 a(1 điểm)	Nhập bảng tính trên vào chương trình bảng tính, lưu file đúng cú pháp	1.0 đ
Câu 12 b(2,0 điểm)	+ Số tiền còn lại: E5 - H5 + Sử dụng công cụ xác thực khoản thu, khoản chi trong gia đình: * Khoản thu: B1: Nháy chuột vào Data> data validation. Xuất hiện hộp thoại data validation B2: Nháy chuột chọn nhãn Settings + Allow : chọn list + Source : =\$C\$4:\$C\$8 B3: nháy chọn OK * Khoản chi: B1: Nháy chuột vào Data> data validation. Xuất hiện hộp thoại data validation B2: Nháy chuột chọn nhãn Settings + Allow : chọn list + Source : =\$E\$4:\$E\$8 B3: nháy chọn OK	1.0 đ
Câu 12 c (1,0 điểm)	* Số lần thu: =COUNTIF(\$C\$4:\$C\$16,J4) Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại * Số lần chi: =COUNTIF(\$F\$4:\$F\$16,L4) Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại	0,5 đ 0,5 đ
Câu 12 c (1,0 điểm)	Tính tổng tiền: =SUMIF(\$F\$4:\$F\$16,L4,\$H\$4:\$H\$16) Thực hiện thao tác sao chép đến các ô tính còn lại	1,0 đ

Họ và tên:	<u>Đánh giá và nhận xét của GVBM:</u>
Lớp:	

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng?

Câu 1: Hàm SUMIF được dùng để:

- A. Đếm số ô tính trong vùng dữ liệu thỏa mãn điều kiện.
- B. Tính tổng giá trị của những ô thỏa mãn một điều kiện cho trước.
- C. Kiểm tra điều kiện và trả về một giá trị khi điều kiện đó đúng và một giá trị khác nếu điều kiện đó sai.
- D. Tham chiếu đến địa chỉ vùng dữ liệu ở một trang tính khác.

Câu 2: Để đếm các số có giá trị lớn hơn 50 trong vùng B2:B5 ta dùng công thức nào sau đây?

- A. =COUNT(B2:B5,">50")
- B. =COUNT(B2:B5,>50)
- C. =COUNTIF(B2:B5,">50")
- D. =COUNTIF(B2:B5, >50)

Câu 3: (NB) Giá trị mà hàm COUNTIF trả về thuộc kiểu dữ liệu nào?

- A. Dữ liệu kiểu số.
- B. Dữ liệu kiểu văn bản.
- C. Dữ liệu kiểu ngày tháng.
- D. Dữ liệu kiểu thời gian.

Trong bảng dữ liệu nhập các loại quả ở Hình 1. Em hãy thực hiện các câu hỏi sau :

Câu 4: Công thức tính tổng số lượng quả Cam trong bảng dữ liệu ở Hình 1 là:

- A. =SUMIF(B2:B8, "Cam", A2:A8)
- B. =SUMIF(A2:A8, Cam, B2:B8)
- C. =SUMIF(A2:A8, "Cam", B2:B8)
- D. =SUMIF(B2:B8, Cam, A2:A8)

Câu 5: Công thức tính đếm các loại quả có số lượng lớn hơn 3 trong Hình 1 là

- A. =COUNT(A2:A8,">3")
- B. =COUNTIF(B2:B8, ">3")
- C. =SUMIF(A2:B8,>3)
- D. =SUMIF(B2:B8,>3)

	A	B
1	Loại quả	Số lượng
2	Cam	2
3	Chanh	3
4	Ổi	3
5	Xoài	5
6	Cam	6
7	Cam	9
8	Xoài	8

Hình 1

Câu 6: Trong bảng dữ liệu Hình 1, công thức =IF(B3>= B8,1,0) trả về giá trị là

- A. 3
- B. 8
- C. 0
- D. 1

Câu 7: Cho =SUMIF(A2:A8, "Ổi", B2:B8). Phạm vi chứa các ô tính cần kiểm tra là

- A. A2:A8
- B. B2:B8
- C. B4:A4
- D. A4:B4.

Câu 8: Chọn mô tả đúng nhất về hàm IF.

A. Kiểm tra xem điều kiện được thỏa mãn hay không, nếu điều kiện là đúng thì trả về một giá trị đó, nếu điều kiện sai thì trả về một giá trị khác.

B. Trả về giá trị TRUE nếu bất kì điều kiện nào là đúng và trả về FALSE nếu tất cả điều kiện đều sai.

C. Trả về giá trị TRUE nếu tất cả điều kiện đều đúng và trả về FALSE nếu bất kì điều kiện nào sai.

D. Trả về một giá trị từ danh sách bằng cách sử dụng một vị trí đã cho.

Câu 9. Trong quy trình thanh toán tiền lương, bước nào thường được giao cho máy tính thực hiện?

A. Lập phiếu chi lương.

B. Xây dựng công thức tính lương.

C. Chấm công.

D. Tính toán tiền lương.

Câu 10. Bước nào trong quá trình giải quyết vấn đề nhằm xác định yếu tố đã cho và kết quả cần đạt?

A. Lựa chọn giải pháp

B. Thực hiện giải pháp

C. Phân tích vấn đề

D. Đánh giá kết quả

II. PHẦN THỰC HÀNH: (5,0 điểm)

Câu 11: Tạo bảng dữ liệu **banhangnongsan.xlsx**, lưu bài theo đường dẫn:

D:\24_25\LOP9\Hovaten. Ví dụ: **D:\24_25\LOP9\HoangAnh.xlsx.** (1 điểm).

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG KÊ BÁN HÀNG NÔNG SẢN					
2			Tháng: 7/2024			
3	STT	Mặt hàng	Ngày bán	Số lượng	Số tiền	Ghi chú
4	1	Chè dây	01/7/2024	5	250,000	?
5	2	Tiêu	10/07/2024	3	900,000	?
6	3	Chè dây	15/07/2024	2	100,000	?
7	4	Chuối rừng	18/07/2024	20	600,000	?
8	5	Khô qua rừng	26/07/2024	7	560,000	?
9	6	Măng Khô	30/07/2024	15	1,950,000	?
10						
11		Tổng số lượng của mặt hàng chè dây:				?
12		Đếm các mặt hàng có số lượng lớn hơn 5:				?

Câu 12 (2 điểm): Dùng công thức để tính tổng số lượng của mặt hàng Chè dây ?

Câu 13 (1 điểm): Em hãy sử dụng hàm để đếm Số lượng lớn hơn 5?

Câu 14 (1 điểm): Điền cho cột **Ghi chú** biết rằng: Nếu **Số lượng** >5 thì ghi “ Giao hàng tận nơi”, ngược lại để trống.

=====Hết.=====

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN TIN 9

Mã đề: B

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Đúng mỗi câu 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	A	C	B	C	A	A	D	C

PHẦN I: THỰC HÀNH (5,0 điểm) Đúng mỗi câu 0,5 điểm.

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Câu 11 (1 điểm)	Nhập bảng tính trên vào chương trình bảng tính, lưu file đúng cú pháp	1,0 đ
Câu 12 (2,0 điểm)	Dùng công thức để tính tổng số lượng của các mặt hàng Chè dây? =SUMIF(B4:B9, "Chè dây", D4:D9)	2,0 đ
Câu 13 (1,0 điểm)	Dùng hàm để đếm Số lượng lớn hơn 5? =COUNTIF(D4:D9, ">5")	0,5 đ 0,5 đ
Câu 14 (1,0 điểm)	Câu 4: Điền cho cột Ghi chú biết rằng: Nếu Số lượng >5 thì ghi “ Giao hàng tận nơi”, ngược lại để trống. Công thức ở ô F4 là:	1,0 đ

